

Bản án số: 349/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13-4-2021

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Châu Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Ngọc

Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 705/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 07 năm 2020 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 86/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979; Địa chỉ: 35 đường 51, tổ 10, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Ngọc D, sinh năm 1977; Địa chỉ: 35 đường 51, tổ 10, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn lập ngày 19/05/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày như sau:

Bà và ông D tự nguyện sống chung từ năm 2001, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01 ngày 02/03/2001 do Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình chung sống đến khoảng năm 2018 phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên tranh cãi, bất đồng ý kiến mọi việc trong đời sống vợ chồng làm cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Bà H nhận

thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nay giữ nguyên yêu cầu là được ly hôn với ông D.

Hai ông bà có 02 con chung tên Phan Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 25/04/2002 (đã thành niên) và Phan Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 28/11/2006 hiện con chung đang sống với ông bà và trẻ Ngọc V mong muốn sống với ông D nên bà đồng ý để ông D trực tiếp nuôi con chung là Phan Nguyễn Ngọc V và bà H sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 5/2021 đến khi trẻ Ngọc V đủ 18 tuổi. Bà H xác định không có tài sản chung, không có nghĩa vụ dân sự chung.

Bị đơn: Ông D vắng mặt không rõ lý do, không gợi ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đây là tranh chấp Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn hiện đang cư trú tại ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Tòa án triệu tập họp lệ bị đơn lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử nhưng bị đơn không có đơn xin vắng mặt và không có yêu cầu phản tố, bị đơn không cung cấp cho Tòa án ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn cũng như cung cấp chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, đồng thời Hội đồng xét xử chỉ xem xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông D tự nguyện chung sống năm 2001 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01 ngày 02/03/2001 do Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà H và ông D, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về nội dung:

Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân: Bà H trình bày do không hợp nhau về quan điểm sống thường xuyên tranh cãi làm cuộc sống gia đình rơi vào nhiều bế tắc không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà và ông D ly thân 02 năm nên bà kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông D. Ông D không đến Tòa án theo giấy triệu tập thể hiện ông D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà

Hương. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông D có mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông D là có cơ sở.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung: Bà H và ông D có 02 con chung tên Phan Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 25/04/2002 (đã thành niên) và Phan Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 28/11/2006, bà H để ông D nuôi con chung tên Ngọc V, Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định tâm sinh lý cho trẻ và phù hợp với nguyện vọng của trẻ cần tiếp tục giao con chung tên Phan Nguyễn Ngọc V cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà H cấp dưỡng nuôi con chung Ngọc Vinh mỗi tháng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 5/2021 đến khi trẻ Ngọc V đủ 18 tuổi, xét đây là sự tự nguyện của bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà H xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Xét về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét cần buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H là được ly hôn với ông Phan Ngọc D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01 ngày 02/03/2001 do Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà H và ông D không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung tên Phan Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 28/11/2006 cho ông Phan Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đồng/tháng bắt đầu thực hiện từ tháng 05/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người trực tiếp nuôi con chung có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hchura thi hành cấp dưỡng hoặc thi hành cấp dưỡng không đầy đủ số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm thi hành cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Bà Hxác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Hxác định không có.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0084189 ngày 03/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà H còn phải nộp số tiền án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Châu Trinh